

TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2025

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

Đợt xét: Đợt 2/2025

Môn thi: KS-Lý thuyết chuyên môn - 1250343

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm (L1)	Điểm (L2)	Điểm (L3)	Điểm (L4)	Lớp học	Ghi chú
1	Đặng Thị Vân	Anh	06/11/2000	3.20				CĐKS27N09	
2	Nguyễn Tùng	Bách	25/11/2001	3.50				CĐKS27N17	
3	Lý Tiến	Hung	28/11/2002	4.70				CĐKS28N10	
4	Nguyễn Thanh	Ngân	07/11/2003	4.50				CĐKS28N08	
5	Nguyễn Huỳnh	Như	08/05/2001	4.50				CĐKS27N03	
6	Lê Huy	Phong	12/12/2001	0.00				CĐKS28N12	
7	Trần Diễm	Quỳnh	21/12/2003	4.20				CĐKS28N09	
8	Lê Nhật	Tân	27/05/2002	5.10				CĐKS28N10	
9	Lê Thị Ngọc	Thanh	31/07/2002	4.60				CĐKS27N36	
10	Lê Văn	Thành	16/11/2002	4.40				CĐKS27N23	
11	Nguyễn Minh	Thành	09/12/2002	4.90				CĐKS28N03	
12	Nguyễn Đình Quang	Vinh	25/12/2002	4.10				CĐKS27N21	
13	Nguyễn Hồng Phương	Linh	29/11/2002	4.20	6.90			CĐKS27N32	
14	Nguyễn Minh	Quang	28/06/2002	0.00	4.45			CĐKS27N12	
15	Bùi Thị	Giao	20/07/2002	4.65				CĐKS29N15	
16	Trần Hồ	Hải	14/05/2004	4.15				CĐKS29N11	
17	Huỳnh Xuân	Hiệp	07/10/2004	4.40				CĐKS29N11	
18	Nguyễn Thị Thu	Hoài	28/07/2004	5.40				CĐKS29N13	
19	Nguyễn Huy	Hoàng	25/01/2003	0.00				CĐKS29N15	
20	Đinh Thị Kim	Hương	13/10/2004	4.75				CĐKS29N11	
21	Trịnh	Huyền	25/04/2004	4.90				CĐKS29N07	
22	Nguyễn Thị Thúy	Liều	28/08/2004	4.30				CĐKS29N05	
23	Trần Thị Ngọc	Linh	27/07/2004	5.65				CĐKS29N12	
24	Đào Nguyễn Hải	My	30/09/2004	4.75				CĐKS29N04	
25	Phạm Như	Ngọc	24/02/2004	7.00				CĐKS29N15	
26	Đỗ Trần Quang	Nhật	28/03/2000	4.25				CĐKS29N15	
27	Nguyễn Hiếu	Nhi	30/04/2004	0.00				CĐKS29N12	
28	Trần Nguyễn Bảo	Nhi	12/09/2004	5.50				CĐKS29N14	
29	Võ Thị Hằng	Ni	13/10/2004	4.85				CĐKS29N09	
30	Phạm Ngọc	Nữ	28/11/2004	5.80				CĐKS29N07	
31	Đặng Minh	Phúc	07/09/2003	5.20				CĐKS29N09	
32	Lý Hưng	Phước	08/07/2003	4.45				CĐKS29N03	
33	Trần Bảo	Quốc	27/06/2003	3.45				CĐKS29N03	

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Điểm (L1)	Điểm (L2)	Điểm (L3)	Điểm (L4)	Lớp học	Ghi chú
34	Lý Minh	Quý	04/03/2003	5.55				CĐKS29N11	
35	Trần Thị Bích	Quyên	25/01/2004	7.95				CĐKS29N15	
36	Nguyễn Văn Chí	Tâm	16/12/2004	0.00	4.20			CĐKS29N05	
37	Lê Thị Kim	Thanh	14/09/2004	4.70				CĐKS29N11	
38	Nguyễn Thị Cẩm	Thi	22/05/2004	4.70				CĐKS29N06	
39	Mai Thị Anh	Thư	29/11/2004	4.70				CĐKS29N03	
40	Đặng Thị Mỹ	Tiên	12/04/2004	6.40				CĐKS29N13	
41	Lê Chí	Tĩnh	28/08/2004	5.10				CĐKS29N15	
42	Lương Phan Yến	Trâm	29/08/2004	3.65				CĐKS29N03	
43	Phạm Văn	Trọng	01/04/2004	4.60	7.30			CĐKS29N09	
44	Lê Thị Cẩm	Tú	11/04/2002	5.80				CĐKS29N11	
45	Ngô Nguyễn Hạnh	Vi	02/06/2004	4.30				CĐKS29N06	